TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2023

V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Ny
2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 629/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 988/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Ngọc T** sinh năm: 1975 *(có mặt)*

Địa chỉ: 372/10D, đường N, khu vực B, phường A, quận N, thành phố C.

- *Bị đơn:* **Bà Phạm Kim L** sinh năm: 1973 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: 372/10D, đường N, khu vực B, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Phạm Kim L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ cưới lễ cưới năm 1999 và có đăng ký kết hôn. Ngày 19/11/2007, Ủy ban nhân dân phường A, quận N, TP. C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/KH-2007, quyển số 01. Sau khi kết hôn thời gian dài thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Sau nhiều lần tìm các biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Hiện nay, ông xác định không còn tình cảm với bà L, ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung

sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Kim L.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T (nam), sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thái A (nam) sinh ngày 01/07/2007. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ trở thành vụ kiện khác.

Phía bị đơn bà Phạm Kim L không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý, thông báo về việc tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Mặt khác, nguyên đơn có yêu cầu đưa vụ án ra xét xử, không qua tiến hành hòa giải, do giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Kim L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống, ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2009 nên ông T có đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp ly hôn"*, bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều. Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2]Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2007. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống

không hạnh phúc, bà L không quan tâm, chăm sóc cho cho gia đình, thường xuyên đi vắng nhà không rõ đi đâu, lâu lâu mới về một lần rồi tiếp tục đi. Bà L hay xúc phạm và không tôn trọng ông và gia đình ông. Ông vẫn cố gắng sống chung để mong tìm hiểu nguyên nhân bất đồng để cùng khắc phục nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc như những gia đình khác nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được nên ông và bà L đã sống ly thân cách đây khoảng 1 năm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, ông không còn tình cảm với bà L nên ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Kim L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục tống đạt thông báo mời hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng bà L đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bà L không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Theo ông T thì bà L không tôn trọng ông và thường xuyên xúc phạm ông và gia đình ông. Ông T và bà L đã sống ly thân khoảng 01 năm. Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà L đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho ông T cũng như bà L. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung. Đối với Nguyễn Quốc T (nam), sinh năm 2000 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thái A (nam) sinh ngày 01/07/2007. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu A đang sống với ông T, điều kiện phát triển về tinh thần và sức khỏe của cháu vẫn phát triển tốt. Cháu vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ cũng như việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích của cháu. Mặt khác, cháu A là nam và có nguyện vọng muốn sống với ông T nên việc giao cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền ngăn cản bà thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn bà Phạm Kim L.

- *Về con chung:* Đối với Nguyễn Quốc T (nam), sinh năm 2000 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Thái A (nam) sinh ngày 01/07/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Các đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền ngăn cản bà thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000206 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)*, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân An Khánh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi